

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST  
Ngày: 02/4/2025  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Hữu Ái và bà Nguyễn Thị Tơ

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2025/QĐDS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1963 (*Có mặt*)

Địa chỉ: **Đ, T, H, B.**

- *Bị đơn:* 1. Ông **Lê Hùng V**, sinh năm: 1969 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: **Đ, T, H, B.**

Chỗ ở: Số 34 đường La Gi, khu phố N, P, L, tỉnh B

2. Bà **Dương Nữ Diễm O**, sinh năm 1973 (*Có mặt*)

Địa chỉ thường trú: **Đ, T, H, B.**

Chỗ ở: Số 34 đường La Gi, khu phố N, P, L, B

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Bùi Đức C**, sinh năm 1960 (*Có mặt*)

Địa chỉ: **Đ, T, H, B**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thanh T** trình bày:* Ngày 07/7/2022, bà có

cho vợ chồng bà Dương Nữ Diễm O và ông Lê Hùng V vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 07 tháng, hẹn đến ngày 07/02/2023 vợ chồng bà O sẽ trả lại tiền gốc cho bà. Lãi suất các bên thoả thuận là 2,2%/tháng. Bắt đầu từ ngày 07/8/2022 đến ngày 07/4/2023, vợ chồng bà O đã trả lãi cho bà mỗi tháng 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Từ tháng 05/2023, vợ chồng bà O ngưng trả lãi cho đến nay. Tuy nhiên, đến ngày 28/8/2023, vợ chồng bà O có trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu vợ chồng bà O, ông V phải liên đới thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ tháng 01/2024 đến nay.

Tại phiên toà, bà trình bày vào ngày 02/4/2025, trước khi xét xử, bị đơn đã chuyển trả cho bà số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Do đó, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó, bà đề nghị Toà án tiến hành khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá vào nợ gốc, và tiếp tục tính lãi kể từ khi ngưng trả lãi cho đến ngày xét xử với mức lãi suất là 20%/năm, cụ thể: Tiền gốc còn lại là 234.601.718đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 96.789.458đ (Chín mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng). Đối với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bà O vừa thanh toán, bà đề nghị khấu trừ 34.601.718đ (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng) vào nợ gốc, 15.398.282đ (Mười lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) vào tiền lãi, giảm cho vợ chồng bà O số tiền lãi còn lại là 81.391.176đ (Tám mươi một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng). Hiện nay, đề nghị HĐXX tuyên buộc bà O và ông V liên đới trả cho vợ chồng bà 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và phải trả tiền lãi kể từ ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong theo quy định.

- Bị đơn bà Dương Nữ Diễm O trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T. Bà xác định vợ chồng bà có vay của bà T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 07/07/2022, thời hạn trả nợ là ngày 07/02/2023. Vợ chồng bà đã trả lãi cho bà T từ tháng 08/2022 cho đến tháng 04/2023, mỗi tháng là 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Từ tháng 05/2023, vợ chồng bà ngưng trả lãi cho đến nay. Ngày 28/8/2023, vợ chồng bà có trả cho bà T tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Đối với tiền lãi thanh toán vượt quá thì đề nghị trừ vào nợ gốc. Số tiền vay được vợ chồng bà dùng để đầu tư bất động sản kiếm lời trang trải cho kinh tế gia đình. Bà thống nhất nợ gốc còn lại sau khi khấu trừ là 234.601.718đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 96.789.458đ (Chín mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng).

Vào ngày 02/4/2025, trước khi xét xử, bà đã chuyển trả cho bà T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Các bên thống nhất khấu trừ 34.601.718đ (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng) vào nợ

gốc, 15.398.282đ (Mười lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) vào tiền lãi, bà **T** giảm cho vợ chồng bà số tiền lãi còn lại là 81.391.176đ (**T1** mười một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng).

Hiện nay, bà đồng ý cùng ông **V** trả nợ gốc cho bà **T** sau khi khấu trừ là **200.000.000đ** (Hai trăm triệu đồng), đồng ý trả lãi kể từ ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án bà đều thông báo cho ông **V** nhưng do bận công việc nên ông **V** không đến tham dự phiên tòa được. Ý kiến của bà trình bày tại Tòa án đều được vợ chồng bà bàn bạc và thống nhất với nhau.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Bùi Đức C** trình bày:* Số tiền cho vay là tài sản chung vợ chồng ông. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà **T**, đề nghị HĐXX tuyên buộc bà **O** và ông **V** liên đới trả cho vợ chồng ông bà 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và phải trả tiền lãi kể từ ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện theo quy định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà **Dương Nữ Diễm O** và ông **Lê Hùng V** liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Thanh T** và ông **Bùi Đức C** số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:*

[1] Bà **Nguyễn Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu bà **O**, ông **V** có trách nhiệm trả nợ vay và lãi, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bị đơn bà **Dương Nữ Diễm O**, ông **Lê Hùng V** có nơi cư trú tại **thôn Đ, T, H, Bình Thuận** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[3] Bị đơn ông **Lê Hùng V** đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[4] Nguyên đơn và bị đơn bà **O** thống nhất trình bày vợ chồng bà **O** có vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi suất là 2.2%/tháng, đã thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc vào ngày 28/8/2023, thanh toán tiền lãi từ tháng 08/2022 đến tháng 04/2023, ngày 02/4/2025 bị đơn thanh toán thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Giấy nợ do nguyên đơn nộp được bị đơn bà **O** thừa nhận nội dung và thừa nhận chữ ký là của vợ chồng bà. Riêng ông **Lê Hùng V** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, và không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng và không có ý kiến phản đối. Do đó, có căn cứ để xác định bà **O**, ông **V** có vay của bà **T** số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

[5] Đối với tiền lãi, nguyên đơn thừa nhận thu lãi với mức lãi suất cao hơn mức Bộ luật Dân sự quy định là 2.2%/tháng và đề nghị HĐXX khấu trừ vào nợ gốc. Điều này được bị đơn thừa nhận và yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Số tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá được khấu trừ vào nợ gốc như sau: Tháng 08/2022, lãi được tính trên dư nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) với mức lãi suất là 20%/năm. Như vậy tiền lãi vào tháng 08/2022 là  $300.000.000đ \times (20\% : 12) = 5.000.000đ$ . Số tiền lãi bị đơn trả vượt quá là 1.600.000đ được trừ vào nợ gốc, do đó, dư nợ gốc của tháng 09/2022 là 298.400.000đ. Với cách tính như trên, từ sau ngày 07/4/2023, dư nợ gốc còn lại là 284.601.718đ (Hai trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng). Chi tiết cụ thể như sau:

| Kỳ đóng lãi | Nợ gốc               | Lãi theo quy định | Lãi thực tế trả | Số tiền lãi vượt quá |
|-------------|----------------------|-------------------|-----------------|----------------------|
| 07/08/2022  | 300.000.000 đ        | 5.000.000 đ       | 6.600.000 đ     | 1.600.000 đ          |
| 07/09/2022  | 298.400.000 đ        | 4.973.333 đ       | 6.600.000 đ     | 1.626.667 đ          |
| 07/10/2022  | 296.773.333 đ        | 4.946.222 đ       | 6.600.000 đ     | 1.653.778 đ          |
| 07/11/2022  | 295.119.556 đ        | 4.918.659 đ       | 6.600.000 đ     | 1.681.341 đ          |
| 07/12/2022  | 293.438.215 đ        | 4.890.637 đ       | 6.600.000 đ     | 1.709.363 đ          |
| 07/01/2023  | 291.728.852 đ        | 4.862.148 đ       | 6.600.000 đ     | 1.737.852 đ          |
| 07/02/2023  | 289.990.999 đ        | 4.833.183 đ       | 6.600.000 đ     | 1.766.817 đ          |
| 07/03/2023  | 288.224.183 đ        | 4.803.736 đ       | 6.600.000 đ     | 1.796.264 đ          |
| 07/04/2023  | 286.427.919 đ        | 4.773.799 đ       | 6.600.000 đ     | 1.826.201 đ          |
| 07/05/2023  | <b>284.601.718 đ</b> | 4.743.362 đ       | 0 đ             | 0 đ                  |

[6] Đến ngày 28/8/2023, bị đơn thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nợ gốc và không thanh toán thêm tiền lãi, do đó dư nợ gốc còn lại là 234.601.718đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm

mười tám đồng). Các đương sự đều thống nhất từ tháng 05/2023 cho đến nay vợ chồng bị đơn ngưng trả lãi. Do đó, từ ngày 08/4/2023 cho đến ngày 27/8/2023 bị đơn phải trả lãi với mức lãi suất là 20%/năm trên dư nợ gốc là **284.601.718đ** (Hai trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng) và từ ngày 28/8/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải trả lãi với mức lãi suất là 20%/năm trên dư nợ gốc là **234.601.718đ** (Hai trăm ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số tiền lãi là **96.789.458đ** (Chín mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng). Vào ngày 02/4/2025, bà **O** thanh toán số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), các bên thống nhất khấu trừ 34.601.718đ (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, bảy trăm mười tám đồng) vào nợ gốc, 15.398.282đ (Mười lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng) vào tiền lãi, số tiền lãi còn lại là 81.391.176đ (**T1** mười một triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng) bà **T** và ông **C** giảm cho vợ chồng bị đơn, chỉ yêu cầu **200.000.000đ** (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc. Mặc dù ông **V** không có mặt tại phiên tòa, nhưng sự thống nhất như trên có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm trả nợ, ông **V** và bà **O** là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2002 tại **UBND xã T**. Giấy nợ có chữ ký tên **Lê Hùng V**, bà **O** trình bày là do ông **V** ký, tiền vay được vợ chồng bà dùng để đầu tư kinh doanh và trang trải kinh tế trong gia đình, đồng thời trong quá trình giải quyết bà đã thông báo các văn bản tố tụng cho ông **V** biết. Như vậy, bản thân ông **V** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện gửi cho Tòa án, do đó, ông **V** phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà **O** trả nợ cho bà **T**.

[8] Bà **T** và ông **C** xác định số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu chia phần cụ thể mỗi người được nhận bao nhiêu, đồng thời, họ cũng không yêu cầu chia phần nghĩa vụ cụ thể đối với từng bị đơn nên không xem xét.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Lê Hùng V** và bà **Dương Nữ Diễm O** liên đới trả cho ông **C** và bà **T** số tiền nợ gốc là **200.000.000đ** (Hai trăm triệu đồng).

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;
- Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Dương Nữ Diễm O và ông Lê Hùng V.

Buộc bà Dương Nữ Diễm O và ông Lê Hùng V liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Đức C số tiền nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T là người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí, do đó, không xem xét giải quyết đối với vấn đề tạm ứng án phí.

- Bà Dương Nữ Diễm O và ông Lê Hùng V phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**







